

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH NA**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nghĩa Toàn;

2. Ông Trần Văn Dũng;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm

2022

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NVĐ, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh TĐĐ; sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà 288, đường NT, phường HHT, TP V, tỉnh NA.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông NVD văn phòng luật sư VD và cộng sự; địa chỉ: Số nhà 288, đường N T, phường HHT, TP V, tỉnh NA.

Bị đơn:

1. Ông NVH; sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA;

2. Ông NVQ; sinh năm: 1972; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA; điện thoại: 086 998 4704.

3. Ông NVQ; sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NTV; sinh năm: 1970; địa chỉ cư trú: Xóm H, xã HT, huyện HN, tỉnh NA.

2. Bà NTN; sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Xóm 5, xã G, huyện ND, tỉnh NA.

3. Bà NTT; địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA.

4. Bà NTM; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA.

5. Bà VTD; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông NVH và bà NTM được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích 157,5 m² đất ở tại thửa số 607, tờ bản đồ số 01; nay là thửa số 20, tờ bản đồ số 01 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: số 03, Xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA với các mốc giới cụ thể như sau:

- Phía Đông từ mốc giới số 06 đến mốc giới số 07 giáp đường xóm có chiều dài 9,85 m.

- Phía Tây từ mốc giới số 09 đến mốc giới số 10 giáp thửa số 04, tờ bản đồ số 01 có kích thước cạnh 3,91 m.

- Phía Nam từ mốc giới số 07, 08 đến mốc giới số 09 giáp thửa số 43 có kích thước cạnh 7,53 m và thửa số 30 có kích thước cạnh 15,50 m, tờ bản đồ số 01.

- Phía Bắc từ mốc giới số 06 đến mốc giới số 10 giáp đất ông NVQ và bà NTT.

2.2. Ông NVQ và bà NTT được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích 319,4 m² đất ở tại thửa số 607, tờ bản đồ số 01; nay là thửa số 20, tờ bản đồ số 01 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: số 02, xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA với các mốc giới cụ thể như sau:

- Phía Đông từ mốc giới số 06 đến mốc giới số 05 giáp đường xóm có chiều dài 3,91 m.

- Phía Tây từ mốc giới số 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 đến mốc giới số 01 giáp thửa số 19, tờ bản đồ số 01.

- Phía Nam từ mốc giới số 06 đến mốc giới số 10 giáp đất ông NVH và bà NTM.

- Phía Bắc từ mốc giới số 05, 17, 18, 19 và 20 giáp với đất nhà thờ (số 04); từ mốc giới số 20, 21, 22, 23, 24 đến mốc giới số 02 giáp với đất của ông NVQ, bà

VTD (số 01); Từ mốc giới số 02 đến mốc giới số 01 giáp thửa đất số 08 tờ bản đồ số 01 có kích thước cạnh 7.06 m.

2.3. Ông NVQ và bà VTD được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích 126.4 m² đất ở tại thửa số 607, tờ bản đồ số 01; nay là thửa số 20, tờ bản đồ số 01 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: số 01, xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA với các mốc giới cụ thể như sau:

- Phía Đông từ mốc giới số 04 đến mốc giới số 03 giáp đường xóm có kích thước cạnh 8,20 m.

- Phía Tây từ mốc giới số 02 đến mốc giới số 24, 23, 22, 21, 20 giáp ông NVQ và bà NTT (số 2/319.4).

- Phía Nam từ mốc giới số 04 đến mốc giới số 20, giáp đất giáp đất nhà thờ (số 04/41.0).

- Phía Bắc từ mốc giới số 02 đến mốc giới số 03 giáp thửa đất số 08 có kích thước cạnh 16.43 m.

2.4. Phần diện tích còn lại 41,0 m² đất ở tại thửa số 607, tờ bản đồ số 01; nay là thửa số 20, tờ bản đồ số 01 theo sơ đồ thẩm định tại chỗ của Tòa án có vị trí tại: số 04, xóm 1, xã X, huyện HN, tỉnh NA với các mốc giới cụ thể như sau được thống nhất để làm nhà thờ chung cho tất cả 04 anh em trong gia đình gồm: Ông NVĐ, ông NVH, ông NVQ và ông NVQ cùng sử dụng để hương khói cho cha mẹ.

- Phía Đông từ mốc giới số 04 đến mốc giới số 05 giáp đường xóm có kích thước cạnh 2.05 m.

- Phía Tây từ mốc giới số 19 đến mốc giới số 20 giáp ông NVQ và bà NTT có kích thước cạnh 4.43 m.

- Phía Nam từ mốc giới số 19, 18, 17 đến mốc giới số 05 giáp thửa đất giáp ông NVQ và bà NTT.

- Phía Bắc từ mốc giới số 20 đến mốc giới số 04 giáp thửa đất của ông NVQ và bà VTD.

(Đặc điểm chi tiết phần diện tích đất của Ông NVH và bà NTM 03/157,5; ông NVQ và bà VTD 01/126.4; ông NVH và bà NTT 02/319.4; phần diện tích 41,0 m² xây dựng nhà thờ có sơ đồ kèm theo).

Tất cả những người có tên trong quyết định này có trách nhiệm làm các thủ tục pháp lý tại cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.5. Ông NVQ và bà NTT có nghĩa vụ trả cho ông NVĐ số tiền 134.000.000 (*Một trăm ba mươi tư triệu đồng chẵn*).

Về quyền yêu cầu thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông NVH và bà NTM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.900.000 (*Năm triệu chín trăm nghìn đồng*).

Ông NVQ và bà NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.582.000 (*Mười một triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Ông NVQ và bà VTD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.740.000 (*Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ông NVĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.350.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HN theo biên lai số 0003916 ngày 20/4/2022 số tiền 700.000 đồng. Ông Đ còn phải nộp 2.650.000 (*hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện HN;
- TAND tỉnh NA;
- THADS huyện HN;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Phan Hương